TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 03 - 2023
V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Sơn Thị Kim Lương

Ông Lê Tuấn Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số B, hẻm X, đương V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Ông Lê Hoàng N

2. *Bị đơn*: Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số B, hẻm X, đương V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị T: Chị Nguyễn Việt Q là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Mã Ngọc H, sinh năm 1957; địa chỉ: Số B, hẻm X, đương V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Lê Văn D, sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1962; địa chỉ: Số D, khóm L, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Liêu.

(Ông Nhân, chị T, Luật sư Q, bà H có mặt, ông D, bà T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Lê Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Ngọc H là ông Lê Hoàng N thống nhất trình bày*:

Năm 2019, anh và chị Lê Thị Ngọc T quen biết, cùng năm 2019 anh chị chung sống như vợ chồng và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 20/8/2020 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 29/9/2021, anh và chị T thuận tình ly hôn, việc ly hôn được ghi nhận theo quyết định số 118/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu. Tại quyết định này anh H và chị T thống nhất tự thỏa thuận phân chia tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn anh chị không thỏa thuận được về tài sản chung nên anh H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn. Tài sản chung cụ thể như sau:

Năm 2020, anh và chị T thỏa thuận mua lại của mẹ vợ anh là bà Mã Ngọc H căn nhà số B, hẻm X, đương V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu với giá 600.000.000 đồng, anh và chị T đã trả trước cho bà H số tiền 200.000.000 đồng, khi giao tiền chỉ có anh và bà H, chị T ngoài ra không còn ai khác và các bên cũng không lập biên bản gì. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H vẫn đang giữ, căn nhà và đất cũng không giao cho anh H nên anh yêu cầu hủy bỏ hợp đồng mua bán căn nhà trên, không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, yêu cầu bà H trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng (là ½ giá trị số tiền vợ chồng anh đã trả cho bà H).

Sau khi có thỏa thuận mua nhà thì anh và chị T đã đầu tư sửa chữa nhà hết tổng chi phí hơn 302.885.000 đồng đối với các hạng mục sau: Đập toàn bộ phần nhà trước, làm lại móng nhà trước và xây mới toàn bộ nhà trước (có lát gạch, dán gạch tường, sơn tường và hoàn thiện hệ thống điện cho nhà trước), đối với nhà sau thì sửa chữa, nâng nền, dán gạch, lát gạch, làm bếp mới, làm nhà vệ sinh mới; đối với lầu thì dán gạch, sửa cửa. Về vật tư trang thiết bị sửa nhà thì anh đã mua của những nơi sau: Vật tư thì mua của tiệm Tô Sua, gạch mua từ công ty Hoàng Ti, sơn mua của tập đoàn Đại Việt, ngoài ra còn các chi phí khác như chi phí ăn uống cho thợ, công thợ (khoảng 70.000.000 đồng), trang trí nội thất, thiết bị, tole mua từ tole Hoa Sen, đòn tay mua của Tôn Zec… Đối với chi phí đầu tư vào căn nhà này khoảng 302.885.000 đồng thì anh yêu cầu được nhận lại ½ giá trị làm tròn là 300.000.000 đồng, tương đương 150.000.000 đồng, yêu cầu chị T trả cho anh H 150.000.000 đồng do chị T đang quản lý căn nhà.

Năm 2019 cha anh là ông Lê Văn D có cho vợ chồng anh 01 phần đất tọa lạc tại khóm L phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu ngang 04m x dài 36m và vợ chồng anh có mua thêm từ cha anh phần đất ngang 02m x dài 36m với giá là 80.000.000 đồng để thành diện tích đất ngang 06m x dài 36m thuộc thửa 160, tờ bản đồ số 35 tại khóm L, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên do lúc đầu anh và chị T chưa đăng ký kết hôn nên anh để chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn thực tế cha mẹ anh H là ông Lê Văn

D và bà Huỳnh Thị T2 vẫn là người trực tiếp quản lý phần đất này. Nay anh H yêu cầu chia đôi khối tài sản này, anh yêu cầu nhận quyền sử dụng đất và hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho chị T tương đương ½ giá trị tài sản theo giá đất ở là 630.000 đồng/m^2, đất trồng cây lâu năm 72.000 đồng/m^2.

Về nợ chung: Tháng 8/2020, khi sửa chữa căn nhà Hẻm X, V anh H và chị T có mượn của cha ruột anh là ông Lê Văn D 05 chỉ vàng 24K, nay anh yêu cầu anh và chị T mỗi người có trách nhiệm trả ông D ½ số nợ này.

** Theo bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày*:

Chị và anh H quen biết năm 2019, đến năm 2020 sống chung như vợ chồng với anh H và không đăng ký kết hôn, khoảng tháng 5/2020 chị mang thai con chung với anh H nên để thuận lợi cho việc làm khai sinh con chị T đăng ký kết hôn với anh H ngày 20/8/2020 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 29/9/2021, anh và chị T thuận tình ly hôn, việc ly hôn được ghi nhận theo quyết định số 118/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu. Nay anh H có yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn thì chị T có ý kiến như sau:

Đối với căn nhà số B, Hẻm X, đường V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, vào tháng 8/2020 khi chị mang thai con chung của anh H căn nhà của chị đang ở đã cũ và xuống cấp, không ở được nữa, để có tiền chi tiêu lo cho con chị T tính bán nên mẹ ruột chị là bà Mã Ngọc H có cho chị và anh H mượn căn nhà số B, Hẻm X, đường V ở lúc sinh con. Không có sự việc chị và anh H mua của bà H căn nhà trên nên cũng không có sự việc chị và anh H trả tiền mua nhà 200.000.000 đồng cho bà H. Vì căn nhà cũng xuống cấp nên chị và anh H có sửa chữa lại căn nhà này để ở nhưng chi phí sửa chữa do chị T bỏ tiền ra toàn bộ. Các chứng từ để tên anh H do chị T mang thai và thai yếu, anh H làm nghề xây dựng nên chị để anh H đứng ra giao dịch và mua vật liệu, thuê nhân công sửa chữa toàn bộ căn nhà. Các hạng mục sửa chữa nhà bao gồm: Nâng nền nhà trước, xây hai bên vách nhà trước, lót nền và ốp gạch nhà trước, nhà sau, ốp gạch nhà vệ sinh, ngoài ra không sửa chữa hạng mục nào khác. Chi phí sửa chữa hết tổng số tiền khoảng 220.000.000 đồng. Nay chị T không đồng ý yêu cầu của anh H trả số tiền 150.000.000 đồng cho anh H do căn nhà tại đường V là tài sản của bà Mã Ngọc H không phải là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Năm 2019, chị nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn D diện tích đất ngang 6m x dài 36 tại thửa 160 tờ bản đồ số 35, khóm L, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu với giá chuyển nhượng 80.000.000 đồng. Đây là tài sản riêng của chị mua trước khi đăng ký kết hôn với anh H và từ nguồn tiền riêng của chị T nên chị không đồng ý chia tài sản này như anh H yêu cầu. Đối với ý kiến của anh H cho rằng ông D và bà T2 quản lý phần đất này thì chị không đồng ý vì phần đất này hiện nay đang để trống. Trên đất có 01 chuồng gà bằng tôn thiếc lợp tạm do ông D và bà T2 nhân lúc chị T không có mặt ở phần đất này tự dựng lên vào năm 2022 chứ không phải là ông D quản lý đất, chị T không yêu cầu gì đối với các tài sản trên đất. Về giá trị quyền sử dụng đất chị T thống nhất giá đất ở là 630.000

đồng/m^2, đất trồng cây lâu năm 72.000 đồng/m^2 không có yêu cầu định giá lại.

Về nợ: Chị T và anh H không nợ tài sản của ai, không nợ ông D và bà T2 05 chỉ vàng 24k như anh H trình bày nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện độc lập của ông D và bà T2.

** Theo đơn yêu cầu khởi kiện độc lập, bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị T2 thống nhất trình bày*:

Nguồn gốc phần đất tại thửa 160, tờ bản đồ số 35, khóm L, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là của vợ chồng ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị T2. Năm 2019, ông D, bà T2 cho vợ chồng anh H, chị T diện tích đất ngang 04m x dài 36m, chuyển nhượng cho anh H, chị T ngang 01m dài 36m với số tiền 80.000.000 đồng, tuy nhiên do không đủ tách sổ nên ông mới lấy thêm phần đất dự định cho cháu nội để cho thêm anh H, chị T ngang 01m, dài 36m để tách sổ. Do đó mới có sự việc anh H, chị T có diện tích đất ngang 06m dài 36m. Phần đất này khi cho ông có nói chỉ cho ở, không được sang bán, nếu không ở thì trả lại nên hiện nay phần đất này ông D và bà T2 vẫn đang là người quản lý. Về mặt pháp lý, ông D và bà T2 đã đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng cho chị T diện tích này, chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông D, bà T2 cũng thống nhất ý kiến của anh Lê Ngọc H, yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, giao quyền sử dụng đất cho anh H và anh H trả giá trị quyền sử dụng đất lại cho chị T. Về giá trị quyền sử dụng đất ông D, bà T2 thống nhất giá đất ở là 630.000 đồng/m^2, đất trồng cây lâu năm 72.000 đồng/m^2 không có yêu cầu định giá lại.

Về yêu cầu độc lập: Tháng 8/2020, anh H và chị T hỏi mượn ông D bà T2 05 chỉ vàng 24K để sửa nhà, hứa hẹn đến tháng 06 năm 2021 sẽ trả cho ông bà. Nay anh H và chị T đã ly hôn, chia tài sản chung nên ông D và bà T2 yêu cầu anh H và chị T trả lại ông bà số vàng 05 chỉ này. Khi cho mượn vàng do là con trai và con dâu mượn nên ông bà không làm giấy tờ, khi đưa vàng cho anh H không có mặt chị T nhưng sau đó ông D có điện thoại cho T biết. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì ông D và bà T2 có đơn rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện độc lập.

** Theo người có quyền lợi, nghãi vụ liên quan là bà Mã Ngọc H trình bày*: Bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc H, tháng 8/2020, bà H có cho con là chị Lê Thị Ngọc T mượn căn nhà số B, Hẻm X, đường V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu chứ không có sự việc bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà cho anh H và chị T, không nhận từ anh H và chị T bất cứ khoản tiền nào. Căn nhà và quyền sử dụng đất anh vẫn do bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà đang thế chấp ngân hàng để vay tiền nên không cung cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tòa án. Đối với các khoản tiền sửa nhà do chị T chi trả bằng tiền chơi hụi, tiền vay bảo hiểm... không liên quan đến anh H, bà H cũng đồng cho chị T ở trên căn nhà số B để nuôi con, về tiền sửa nhà chị T đã bỏ ra thì khi nào chị T yêu cầu bà trả lại thì bà đồng ý trả, không đồng ý trả tiền cho anh H.

Tại phiên tòa:

Các đương sự giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Lê Thị Ngọc T phát biểu quan điểm: Các tài sản do anh H yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị T không phải là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D, bà Huỳnh Thị T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định nên về tố tụng Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của anh Lê Ngọc H đối với chị Lê Thị Ngọc T các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa 160, tờ bản đồ 35, khóm L, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và số tiền đầu tư, sửa chữa căn nhà số B, Hẻm X V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là 300.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc H đòi số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà số B, Hẻm X, đường V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là 100.000.000 đồng đối với bà Mã Ngọc H.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị T2 đòi số vàng 05 chỉ vàng 24k đối với anh Lê Ngọc H và chị Lê Thị Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

Về tố tụng:

Anh Lê Ngọc H yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với Chị Lê Thị Ngọc T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn Chị Lê Thị Ngọc T cư trú tại khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D, bà Huỳnh Thị T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn

cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

Về việc không đưa ông Lê Minh Tấn (chồng bà H) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xét thấy tuy ông Tấn là đồng sở hữu với bà H căn nhà số B, Hẻm X, đường V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tuy nhiên anh H xác định khi đưa số tiền 200.000.000 đồng chỉ có mặt bà H không có mặt ông Tấn; tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ đặt ra yêu cầu đòi bà H trả số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng, không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng và không yêu cầu ông Lê Minh Tấn trả tiền nên ông Tấn không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án vì vậy không có căn cứ đưa ông Tấn tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về nội dung vụ án:

[1] Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm ông Lê Văn D và bà Huỳnh thị T2 rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập về việc đòi chị Lê Thị Ngọc T và anh Lê Ngọc H trả 05 chỉ vàng 24k. Việc rút yêu cầu khởi kiện độc lập của ông D và bà T2 không trái quy định pháp luật, là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử sơ thẩm về phần này.

[2] Anh Lê Ngọc H yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 160, tờ bản đồ số 35, tại khóm L, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, phía chị Lê Thị Ngọc T xác định tài sản mày là của riêng chị T không phải là tài sản chung vợ chồng nên không đồng ý chia. Xét thấy, diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị T2, ngày 14/3/2019, ông D, bà T2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị T, hợp đồng chuyển nhượng được công chứng số 000664 quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Trần Văn Núi, chị Lê Thị Ngọc T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 860730 ngày 08/4/2019, sau đó chuyển đổi một phần mục đích sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 295819 ngày 02/10/2019; năm 2021, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 295819 bị mất, chị T làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận vì vậy Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 581088 ngày 02/10/2019 cho cùng thửa đất 160, tờ bản đồ số 35 nói trên. Như vậy, có căn cứ xác định thời điểm chị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ngày 14/3/2019, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/4/2019, thời điểm này trước khi chị T đăng ký kết hôn với anh H ngày 20/8/2020.

Căn cứ quy định tại khoản 13 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Thời kỳ hôn nhân là khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, được tính từ ngày đăng ký kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân"* và khoản 1 Điều 43 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn..."* do đó có căn cứ xác

định tài sản là quyền sử dụng đất thửa 160, tờ bản đồ số 35, tại khóm L, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là tài sản riêng của chị T có trước thời kỳ hôn nhân. Anh H và ông D, bà T2 đặt ra yêu cầu và xác định tài sản này là ông D, bà T2 cho anh H khi chị T và anh H sống chung như vợ chồng nhưng không có chứng cứ văn bản, tài liệu nào chứng minh tài sản này do ông bà cho anh H, chị T nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh H về phần này.

Đối với các tài sản trên đất gồm 02 cây xoài nhỏ và 01 chuồng gà lợp tôl thiếc và các cây tạp mọc trên đất, xét thấy các tài sản là cây xoài, chuồng gà của ông D và bà T2 xây dựng trên đất của chị T tuy nhiên chị T không đặt ra yêu cầu tháo dỡ tài sản hay tranh chấp quyền sử dụng đất trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này, chị T được yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[3] Đối với căn nhà số B, Hẻm X, đường V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, anh Lê Ngọc H có yêu cầu chia tài sản chung là chi phí sửa chữa nhà bằng số tiền 300.000.000 đồng, do chị T đang trực tiếp quản lý sử dụng căn nhà trên, anh H cũng không có yêu cầu nhận căn nhà nên anh H yêu cầu chị T trả lại 150.000.000 đồng cho anh; phía chị T xác định căn nhà này của mẹ chị T là bà Mã Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không chuyển nhượng cho anh H, chị T nên không khải là tài sản chung vợ chồng nên không đồng ý chia. Xét ý kiến trình bày của chị T và anh H thấy rằng cả anh H, chị T và bà H đều thống nhất xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà B, Hẻm X, đường V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu do bà Mã Ngọc H đứng tên nên là sự thật khách quan của vụ án được các đương sự thừa nhận không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh H yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và yêu cầu chị T hoàn lại ½ giá trị tài sản là 150.000.000 đồng nhưng như đã nhận định trên tài sản này chưa chuyển tên trên giấy chứng nhận nên quyền sử dụng đất cho anh H và chị T, theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*1. Quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản là bất động sản được đăng ký theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đăng ký tài sản"* như vậy tài sản là bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu nên căn nhà số B vẫn thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Mã Ngọc H, chị T chỉ ở nhờ trên nhà và quyền sử dụng đất của bà H nên không chấp nhận yêu cầu chia giá trị sửa chữa căn nhà của anh Lê Ngọc H với chị Lê Thị Ngọc T. Anh H và chị T có quyền yêu cầu khởi kiện bà H để đòi lại số tiền sửa nhà trong vụ án khác.

Anh Lê Ngọc H xác định trong quá trình chung sống với chị Lê Thị Ngọc T anh H đã thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà số B, Hẻm X, đường V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu với bà Mã Ngọc H; anh H đã trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng, nay anh khởi kiện yêu cầu bà Mã Ngọc H trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng. Phía chị T và bà H xác định không có sự việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như anh H trình bày và không đồng ý trả tiền. Xét thấy, như đã nhận định trên tài sản là nhà và quyền sử dụng đất vẫn do bà Mã Ngọc H đứng tên trên giấy chứng nhận, anh H xác định đã đưa cho bà H 200.000.000 đồng nhưng không có bất cứ chứng cứ

nào chứng minh cho yêu cầu của mình, bà H không thừa nhận sự việc này. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc H đối với bà Mã Ngọc H.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của anh Lê Ngọc H không được chấp nhận nên anh H, chị Lê Thị Ngọc T không phải nộp án phí chia tài sản.

Yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc H yêu cầu bà Mã Ngọc H trả số tiền 100.000.000 đồng không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 100.000.000 đồng = 5.000.000 đồng. Anh Lê Ngọc H đã nộp số tiền 1.375.000 đồng theo biên lai thi tạm ứng án phí số 0008136 ngày 23/11/2022 và số tiền 6.250.000 đồng theo biên lai thi tạm ứng án phí số 0008033 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được đối trừ, anh H được hoàn lại 2.625.000 đồng.

Ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị T2 không phải nộp án phí, ông D và bà T2 đã nộp số tiền 650.000 đồng theo biên lai thu số 0008151 ngày 25/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 13 Điều 3; Điều 43 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 160 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của anh Lê Ngọc H đối với chị Lê Thị Ngọc T các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa 160, tờ bản đồ 35, khóm L, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và số tiền 300.000.000 đồng đầu tư, sửa chữa căn nhà số B, Hẻm X, đường V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc H đòi số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà số B, Hẻm X, đường V, khóm 8, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là 100.000.000 đồng đối với bà Mã Ngọc H.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập đòi 05 chỉ vàng 24k của ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị T2 đối với anh Lê Ngọc H và chị Lê Thị Ngọc T.

4. Về án phí:

Anh Lê Ngọc H và chị Lê Thị Ngọc T không phải nộp án phí chia tài sản.

Anh Lê Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5.000.000 đồng. Anh Lê Ngọc H đã nộp số tiền 1.375.000 đồng theo biên lai thi tạm ứng án phí số 0008136 ngày 23/11/2022 và số tiền 6.250.000 đồng theo biên lai thi tạm ứng án phí số 0008033 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được đối trừ, anh H được hoàn lại 2.625.000 đồng.

Ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị T2 không phải nộp án phí, ông D và bà T2 đã nộp số tiền 650.000 đồng theo biên lai thu số 0008151 ngày 25/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-UBND nơi đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Tuyết Anh